TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST

Ngày: 25-9-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Thanh C

2. Ông Nguyễn Văn Bút

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Quốc H

- Tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày: 29/06/1993, tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi đăng ký thường trú: ấp S, xã S1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Nghề nghiệp: Không ổn định.

- Trình độ học vấn: Không biết chữ.

- Dân tộc: Kinh.

- Giới tính: Nam.

- Tôn giáo: Không.

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Họ và tên cha: Phạm Văn S (đã chết).

- Họ và tên mẹ: Hà Thị T, sinh năm: 1957 (sống).

- Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 04 anh em.

- Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/06/2025 đến ngày 09/06/2025 chuyển tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Phạm Ngọc T

- Tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày: 26/03/1989, tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi đăng ký thường trú: ấp S, xã S1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Nghề nghiệp: Không ổn định.

- Trình độ học vấn: Không biết chữ.

- Giới tính: Nam.

- Tôn giáo: Không.

- Dân tộc: Kinh.

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Họ và tên cha: Phạm Văn S (chết).

- Họ và tên mẹ: Hà Thị T, sinh năm: 1957 (sống).

- Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có bốn anh em.

- Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/06/2025 đến ngày 09/06/2025 chuyển tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

** Người bị hại:*

- Anh Trần Trung C, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: 281/10A, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp 1, xã C, tỉnh Vĩnh Long) (Vắng mặt).

- Anh Trần Phương N, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: 456/17, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long) (Xin vắng).

- Ông Bùi Văn K, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: 211/64, ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long) (Xin vắng).

- Chị Lê Thị Diễm K, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: 344/22, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long) (Xin vắng).

- Chị Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh ngày 06/9/2007. Địa chỉ cư trú: 181/64, ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long) (Xin vắng).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (Xin vắng).

** Người làm chứng:*

- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1946. Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long) (Xin vắng).

- Ông Trần Văn B, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long) (Xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ, ngày 21/08/2024, anh Trần Trung C điều khiển xe mô tô biển số 71K8-9879 đến quán bi da "T" thuộc khu Phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp 2, xã C, tỉnh Vĩnh Long) anh C dựng chiếc xe mô tô phía bên ngoài quán rồi vào trong chơi đánh bi da cùng bạn. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, khi chơi bi da xong anh C ra lấy xe mô tô đi về thì phát hiện xe bị mất trộm nên đến Công an thị trấn C trình báo sự việc.

Qua xác minh, Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T đã khai nhận: Khoảng 23 giờ, ngày 21/08/2024, H phát hiện chiếc xe mô tô biển số 71K8-9879 của anh Trần Trung C đang dựng phía trước quán bi da không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định lấy trộm xe, H rủ T lấy trộm, T đồng ý nên cả hai đến lấy trộm xe của

anh C đem về nhà cất giấu, ngày hôm sau bị Công an phát hiện đã tự nguyện giao nộp vật chứng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 09/09/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ, số khung: RLHHC09025Y-524935, số máy: HC09E-5040224, Biển số 71K8-9879, trị giá 5.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T còn khai nhận ngoài lần lấy trộm xe mô tô của anh C còn nhiều lần lấy trộm nhiều xe mô tô khác trên địa bàn huyện C, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/02/2024 (tức ngày rằm tháng giêng âm lịch), Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T đến chùa B thuộc ấp S, xã S1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long) thì phát hiện chiếc xe đạp điện của chị Nguyễn Thị Huỳnh H đang dựng ở sân chùa nhưng không có người trông coi nên H và T lén lút lấy trộm xe đạp điện đem về nhà cất giấu. Sau đó H dùng sơn màu trắng để sơn lại xe rồi sử dụng làm phương tiện đi lại.

- Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ, (không xác định rõ ngày) tháng 03 năm 2024, Phạm Ngọc T trên đường đi chơi về thì phát hiện chiếc xe mô tô biển số 60V4-0114 của anh Trần Phương N đang dựng trước cửa rào nhà ông Huỳnh Văn T, địa chỉ ấp H Thạnh, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long) không có người trông coi nên nảy sinh lấy trộm xe. T về nhà rủ H đi lấy trộm xe, H đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở T đến trước cửa nhà ông T lấy xe mô tô biển số 60V4-0114 của anh N, đem về nhà cất giấu. H tháo biển số 60V4-0114 ra và thay vào biển số 51R5-1776 đã nhặt được trước đó, rồi sử dụng xe này làm phương tiện đi lại.

- Lần thứ ba: Khoảng 22 giờ, ngày 17/03/2024, Phạm Quốc H trên đường đi chơi về thì phát hiện xe mô tô biển số: 71AA-044.76 của anh Bùi Văn K đang dựng trên đường lộ bê tông trước cửa nhà của mình thuộc ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long) không có người trông coi nên H nảy sinh lấy trộm xe. H về nhà rủ Phạm Ngọc T cùng đi lấy trộm xe, T đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở T đến trước cửa nhà của ông K lấy chiếc xe mô tô biển số: 71AA-044.76, đem về nhà cất giấu. H tháo biển số 71AA-044.76 ra và thay vào biển số 71B2-154.94 đã nhặt được trước đó, rồi sử dụng xe này làm phương tiện đi lại.

- Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ, ngày 30/05/2024, trên đường đi chơi về thì Phạm Quốc H phát hiện chiếc xe mô tô biển số: 71F6-2205 của chị Lê Thị Diễm K đang dựng cặp bên hông trước cửa tiệm bánh tráng Lê Khuyên thuộc ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long) không có người trông coi nên H nảy sinh lấy trộm xe. H về nhà rủ T cùng đi lấy trộm xe, T đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở T đến trước cửa tiệm của chị K lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 71F6-2205, đem xe về nhà cất giấu. H tháo biển số

71F6-2205 ra và thay vào biển số 71F5-2443 đã nhặt được trước đó, rồi sử dụng xe này làm phương tiện đi lại.

Tại kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 09/09/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định:

+ 01 xe mô tô loại Wave, hiệu EVERY, loại C100, màu xanh, không có cánh yếm, số khung: RNDWCH0ND51D01467, số máy: VDGZS152FMHE00001467, Biển số 51R5-1776, trị giá 2.500.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu MAIESTY, loại 50, màu xanh, số khung: VTTDCB025TT010432, số máy: VTTYX1P39FMA00010432, Biển số 71B2-154.94, trị giá 2.500.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu SIRENA, loại C100, màu nâu, số khung: YX100Y0040578, số máy: LC150FMG00691978, Biển số: 71F5-2443, trị giá 2.500.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 21/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định: 01 xe đạp điện hiệu ASAMA, màu sơn trắng, số khung: AM 150607006, trị giá 1.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 834/2024/KL-KTHS ngày 30/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận như sau:

- Xe mô tô biển số 51R5-1776:

+ Số khung trước giám định: RNDWCH0ND51D01467. Số khung sau giám định: Ký tự hiện tại là nguyên thủy, không bị tẩy xóa, cắt hàn, đục lại.

+ Số máy trước giám định: VDGZS152FMH-E✯00001467✯. Số máy sau giám định: Ký tự hiện tại là nguyên thủy, không bị tẩy xóa, cắt hàn, đục lại.

- Xe mô tô biển số 71F5-2443:

+ Số khung trước giám định: YX100✯Y0040578✯. Số khung sau giám định: Ký tự hiện tại là nguyên thủy, không bị tẩy xóa, cắt hàn, đục lại.

+ Số máy trước giám định: LC150FMG✯00691978✯.Số máy sau giám định: Ký tự hiện tại là nguyên thủy, không bị tẩy xóa, cắt hàn, đục lại.

- Xe mô tô biển số 71B2-154.94:

+ Số khung trước giám định: Hoen gỉ, không đọc được ký tự. Số khung sau giám định: ...T...2...0...không bị cắt hàn; ký tự hiện tại bị hoen gỉ, mất không đọc được hết nên không đủ cơ sở kết luận có tẩy xóa, đục lại hay không (ghi chú: Tại vị trí "..." là các ký tự không đọc được).

+ Số máy trước giám định: VTTYX1P39FMA✯00010432✯. Số máy sau giám định: Ký tự hiện tại là nguyên thủy, không bị tẩy xóa, cắt hàn, đục lại.

- Không tiến hành giám định biển số của ba xe nêu trên, do không có mẫu so sánh.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu của vụ án đã thu giữ và xử lý: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho:

- Trả cho anh Trần Trung C 01 xe mô tô hiệu Hon da, loại Wave, màu đỏ, số khung: RLHHC09025Y-524935, số máy: HC09E-5040224, Biển số 71K8-9879, đã trả lại cho anh Trần Trung C.

- Trả cho anh Trần Phương N 01 xe mô tô loại Wave, hiệu EVERY, loại C100, màu xanh, không có cánh yếm, số khung: RNDWCH0ND51D01467, số máy: VDGZS152FMHE00001467.

- Trả cho anh Bùi Văn K 01 xe mô tô hiệu MAIESTY, loại 50, màu xanh, số khung: VTTDCB025TT010432, số máy: VTTYX1P39FMA00010432.

- Trả cho chị Lê Thị Diễm K 01 xe mô tô hiệu SIRENA, loại C100, màu nâu, số khung: YX100Y0040578, số máy: LC150FMG00691978.

- Trả cho chị Nguyễn Thị Huỳnh H 01 xe đạp điện hiệu ASAMA, màu sơn trắng, số khung: AM 150607006,

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Trung C, Trần Phương N, Bùi Văn K, Lê Thị Diễm K và Nguyễn Thị Huỳnh H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự.

Quá trình điều tra, Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

* *Tại Bản Cáo trạng số 11/CT-VKSKV6,* ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* *Tại phiên tòa,* đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Quốc H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trao trả cho các bị hại tài sản có đặc điểm như nêu trên.

- Đối với vụ trộm cắp tài sản ngày 24/02/2024, bị cáo Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T lấy trộm 01 xe đạp điện của Nguyễn Thị Huỳnh H trị giá 1.000.000 đồng nhưng H và T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nên hành vi của H và T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Đối xe mô tô mà bị cáo H và T dùng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là của bị cáo H mua không nhớ rõ biển số. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài xong, H cho một người bạn không rõ địa chỉ cụ thể mượn nên Cơ quan điều tra không thu giữ được và sẽ tiếp tục xác minh thu giữ để xử lý sau.

- Đối với xe mô tô Biển số 71F6-2205 mà hai bị cáo lấy trộm của chị Lê Thị Diễm K, sau đó gắn Biển số 71F5-2443 đã nhặt được trước đó rồi sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 21/08/2024 bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm xe mô tô Biển số 71K8-9879 của anh Trần Trung C. Do đó Cơ quan điều tra không tiếp tục tạm giữ mà đã trả xe nêu trên cho chị K là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối biển số xe 60V4-0114 của bị hại Trần Phương N, biển số xe 71AA-044.76 của bị hại Bùi Văn K và biển số xe 71F6-2205 của bị hại Lê Thị Diễm K. Sau khi lấy trộm được xe đem về nhà cất giấu, bị cáo Phạm Quốc H đã tháo biển số ra bỏ không xác định được vị trí bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được để xử lý.

- Riêng các biển số xe: 51R5-1776; biển số xe: 71F5-2443 và biển số 71B2-154.94 qua tra cứu không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, đã cũ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

* Tại phiên toà, các bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện.

* Các bị hại vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của các bị cáo, đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo hối hận về hành vi của mình gây ra, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Người bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3]. Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 09/09/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ, số khung: RLHHC09025Y-524935, số máy: HC09E-5040224, Biển số 71K8-9879, trị giá 5.500.000 đồng.

+ 01 xe mô tô loại Wave, hiệu EVERY, loại C100, màu xanh, không có cánh yếm, số khung: RNDWCH0ND51D01467, số máy: VDGZS152FMHE00001467, Biển số 51R5-1776, trị giá 2.500.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu MAIESTY, loại 50, màu xanh, số khung: VTTDCB025TT010432, số máy: VTTYX1P39FMA00010432, Biển số 71B2-154.94, trị giá 2.500.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu SIRENA, loại C100, màu nâu, số khung: YX100Y0040578, số máy: LC150FMG00691978, Biển số: 71F5-2443, trị giá 2.500.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 21/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định: 01 xe đạp điện hiệu ASAMA, màu sơn trắng, số khung: AM 150607006, trị giá 1.000.000 đồng.

Các bị cáo, các bị hại đồng ý kết quả giám định, không yêu cầu gì khác.

[4]. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở xác định:

Với động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để làm phương tiện đi lại nên trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 08 năm 2024, trên địa bàn huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long), bị cáo Phạm Quốc H đã cùng với bị cáo Phạm Ngọc T 04 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Khoảng tháng 03 năm 2024 (không xác định rõ ngày) chiếm đoạt của anh Trần Phương N 01 xe mô tô loại Wave, hiệu EVERY,

loại C100, màu xanh, không có cánh yếm, số khung: RNDWCH0ND51D01467, số máy: VDGZS152FMHE00001467, trị giá 2.500.000 đồng; Ngày 17 tháng 03 năm 2024 chiếm đoạt của anh Bùi Văn K 01 xe mô tô hiệu MAIESTY, loại 50, màu xanh, số khung: VTTDCB025TT010432, số máy: VTTYX1P39FMA00010432, trị giá 2.500.000 đồng; Ngày 30 tháng 05 năm 2024 chiếm đoạt của chị Lê Thị Diễm K 01 xe mô tô hiệu SIRENA, loại C100, màu nâu, số khung: YX100Y0040578, số máy: LC150FMG00691978, trị giá 2.500.000 đồng; Và ngày 21 tháng 08 năm 2024 chiếm đoạt của anh Trần Trung C 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ, số khung: RLHHC09025Y-524935, số máy: HC09E-5040224, trị giá 5.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T chiếm đoạt là 13.000.000 đồng. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5]. Các bị cáo Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng với động cơ tham lam, vụ lợi cá nhân đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội, đây là lỗi cố ý trực tiếp của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác; gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương nơi xảy ra vụ án; loại tội phạm này hiện nay xảy ra trên địa bàn ngày càng gia tăng và phức tạp, gây tâm lý bất an cho người dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần đưa vụ án ra xét xử là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và nhằm phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này hiện nay.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Quốc H và bị cáo Phạm Ngọc T cùng phạm "Tội trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6]. Về vai trò đồng phạm:

Các bị cáo là đồng phạm nhưng với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công chặt chẽ. Trong đó cả 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H là người rủ bị cáo T 04 lần (trong đó có 01 lần trộm xe đạp điện); bị cáo T là người rủ bị cáo H 01 lần. Các lần phạm tội đều do bị cáo H cảnh giới, bị cáo T là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản rồi cùng nhau tẩu thoát.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Cả 02 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả 02 bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội thành khẩn khai báo" và "phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9]. Về mức hình phạt áp dụng cho từng bị cáo:

Cả 02 bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, đều có 02 tình tiết giảm nhẹ và 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như nhau. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cùng nhau và đều với mục đích chiếm đoạt tài sản đem về sử dụng cá nhân. Do đó, trong lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt cho các bị cáo là tương đương nhau. Các bị cáo là anh em ruột, đều không biết chữ, không có nghề nghiệp ổn định cũng phần nào ảnh hưởng đến nhận thức pháp luật. Một phần cũng do sự lơ là, thiếu cảnh giác của các bị hại trong quản lý tài sản. Tuy nhiên, các bị cáo nhiều lần phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã bỏ địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải ban hành Quyết định truy tìm người đối với cả 02 bị cáo. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ sức cải tạo, giáo dục.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Xét thấy, bản thân các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, chưa có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện và phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

[12]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho các bị hại các tài sản có đặc điểm như nêu trên.

[13]. Đối với vụ trộm cắp tài sản ngày 24/02/2024, bị cáo H và T lấy trộm 01 xe đạp điện của Nguyễn Thị Huỳnh H trị giá 1.000.000 đồng nhưng H và T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nên hành vi này của H và T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

[14]. Đối xe mô tô mà bị cáo H và T dùng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là của bị cáo H mua không nhớ rõ biển số. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài xong, H cho một người bạn không rõ địa chỉ cụ thể mượn nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, tiếp tục xác minh thu giữ để xử lý sau là phù hợp.

[15]. Đối với xe mô tô hiệu SIRENA, loại C100, màu nâu mà hai bị cáo lấy trộm của chị Lê Thị Diễm K, sau đó gắn Biển số 71F5-2443 đã nhặt được trước đó rồi sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 21/08/2024, các bị cáo dùng làm phương tiện đi lấy trộm xe mô tô Biển số 71K8-9879 của anh Trần Trung C. Do đó Cơ quan điều tra đã trả lại xe có đặc điểm nêu trên cho chị K là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[16]. Đối biển số xe 60V4-0114 của bị hại Trần Phương N, biển số xe 71AA-044.76 của bị hại Bùi Văn K và biển số xe 71F6-2205 của bị hại Lê Thị Diễm K. Sau khi lấy trộm được xe đem về nhà cất giấu, bị cáo Phạm Quốc H đã tháo biển số ra bỏ không xác định được vị trí bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được để xử lý.

[17]. Đối với các biển số xe: 51R5-1776; biển số xe: 71F5-2443 và biển số 71B2-154.94 qua tra cứu không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, qua xác minh không xác định được chủ sở hữu nên tịch thu tiêu huỷ.

[18]. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Phạm Quốc H và Phạm Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[1.1]. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Quốc H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 06/06/2025.

[1.2]. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 06/06/2025.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[3]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho các bị hại:

+ Trả cho anh Trần Trung C 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ, số khung: RLHHC09025Y-524935, số máy: HC09E-5040224, Biển số 71K8-9879.

+ Trả cho anh Trần Phương N 01 xe mô tô loại Wave, hiệu EVERY, loại C100, màu xanh, không có cánh yếm, số khung: RNDWCH0ND51D01467, số máy: VDGZS152FMHE00001467.

+ Trả cho anh Bùi Văn K 01 xe mô tô hiệu MAIESTY, loại 50, màu xanh, số khung: VTTDCB025TT010432, số máy: VTTYX1P39FMA00010432.

+ Trả cho chị Lê Thị Diễm K 01 xe mô tô hiệu SIRENA, loại C100, màu nâu, số khung: YX100Y0040578, số máy: LC150FMG00691978.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Huỳnh H 01 xe đạp điện hiệu ASAMA, màu sơn trắng, số khung: AM 150607006.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ:

+ Biển số xe: 51R5-1776 kích thước 15cm x 20cm, nền trắng, số và chữ màu đen, viền kim loại màu tím.

+ Biển số xe: 71F5-2443 kích thước 15cm x 20cm, nền trắng, số và chữ màu đen, viền kim loại màu trắng.

+ Biển số 71B2-154.94 kích thước 15cm x 20cm, nền trắng, số và chữ màu đen, viền kim loại màu trắng có hoa văn.

(Vật chứng nêu trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Vĩnh Long quản lý theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, ngày 16/9/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh).

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Quốc H, Phạm Ngọc T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày Tòa tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng